



CÔNG TY CỔ PHẦN BECAMEX BÌNH ĐỊNH

HỒ SƠ
ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG
Dự án: KHU TÁI ĐỊNH CƯ – DÂN CƯ
HIỆP VINH 1B

Địa chỉ: Khu công nghiệp – Đô thị Becamex A (Phân khu 7)
Khu kinh tế Nhơn Hội, xã Canh Vinh, tỉnh Gia Lai



Gia Lai, năm 2026



TBTGD2606090018

Số: 124 /BBĐ

Gia lai, ngày 24 tháng 07 năm 2026

V/v đăng ký môi trường cho dự
án Khu Tái định cư – dân cư
Hiệp Vinh 1B.

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân xã Canh Vinh.

Công ty Cổ phần Becamex Bình Định là chủ đầu tư của dự án Khu Tái định cư – dân cư Hiệp Vinh 1B tại Khu công nghiệp – Đô thị Becamex A (Phân khu 7), Khu kinh tế Nhơn Hội, xã Canh Vinh, tỉnh Gia Lai, thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Địa chỉ trụ sở chính của Công ty Cổ phần Becamex Bình Định: Ô B14, lô B07-B08-B09 đường N, Khu TĐC-DC Hiệp Vinh 1B, xã Canh Vinh, tỉnh Gia Lai.

- Giấy đăng ký kinh doanh số: 4101505893 do Phòng Doanh nghiệp và Kinh tế tập thể của Sở Tài chính tỉnh Gia Lai cấp lần thứ 4 ngày 19/01/2026.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn Lăng**

- Điện thoại: 0256 3636 668 Fax: 0256 3636 669

Công ty Cổ phần Becamex Bình Định đăng ký môi trường cho dự án Khu Tái định cư – dân cư Hiệp Vinh 1B tại Khu công nghiệp – Đô thị Becamex A (Phân khu 7), Khu kinh tế Nhơn Hội thuộc xã Canh Vinh, tỉnh Gia Lai với các nội dung sau:

1. Thông tin chung về dự án đầu tư, cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư, cơ sở:

KHU TÁI ĐỊNH CƯ – DÂN CƯ HIỆP VINH 1B

1.2. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư, cơ sở; nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Địa điểm thực hiện dự án: Khu công nghiệp – Đô thị Becamex A (Phân khu 7), Khu kinh tế Nhơn Hội thuộc xã Canh Vinh, tỉnh Gia Lai.

- Nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án:

+ Nguồn vốn: Vốn đầu tư trực tiếp của nhà đầu tư (Nhà nước không tham gia góp vốn).

+ Tiến độ thực hiện dự án: 60 tháng (tính từ tháng 4/2021 đến tháng 4/2026). Dự án đã được Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai chấp thuận kết quả nghiệm thu của Công ty Cổ phần Becamex Bình Định để đưa vào sử dụng tại thông báo số 107/TB-BQL ngày 22/4/2026.



1.3. Quy mô; công suất; công nghệ và loại hình sản xuất của dự án đầu tư, cơ sở:

1.3.1. Quy mô đầu tư

- Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng toàn bộ hạ tầng kỹ thuật cho toàn Khu Tái định cư – dân cư Hiệp Vinh 1B. Các hạng mục đầu tư hệ thống HTKT cụ thể như sau:

- + San nền;
- + Kè kênh, mương;
- + Đường giao thông và các cầu cống ngang trong phạm vi dự án;
- + Hệ thống thoát nước mưa;
- + Hệ thống thoát nước thải;
- + Hệ thống cấp nước (bao gồm cấp nước cho phòng cháy chữa cháy);
- + Hệ thống công viên, cây xanh;
- + Hệ thống chiếu sáng đường;
- + Hệ thống ống chờ viễn thông.

1.3.2. Công suất của dự án đầu tư

Dự án đã được UBND tỉnh Bình Định (Nay là tỉnh Gia Lai) phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1B thuộc Khu Công nghiệp – Đô thị Becamex A (Phân khu 7) theo Quyết định số 3687/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 với tổng diện tích dự án: 904.879 m² (90,4ha), gồm các khu chức năng với diện tích như sau:

- Đất ở diện tích là 365.779 m², chiếm tỷ lệ 40,42 % diện tích khu vực quy hoạch. Trong đó: đất ở liên kế (không bố trí tái định cư) diện tích 174.286 m²; đất ở liên kế (bố trí tái định cư) diện tích 170.008 m²; đất nhà ở xã hội (chung cư cao tầng) diện tích 21.485 m².

- Đất công trình dịch vụ - công cộng diện tích 38.150 m², chiếm tỷ lệ 4,22 % diện tích khu vực quy hoạch. Trong đó: đất giáo dục và đào tạo 22.615 m², đất trạm y tế 522 m², đất văn phòng khu phố 300 m², Trung tâm Văn hóa - Thể thao 5.009 m², đất chợ 9.704 m².

- Đất giao thông diện tích 286.129 m², chiếm tỷ lệ 31,62 % diện tích khu vực quy hoạch. Trong đó: đất giao thông diện tích 269.442 m², bãi đỗ xe diện tích 16.687 m².

- Đất cây xanh diện tích 168.914 m², chiếm tỷ lệ 18,67 % diện tích khu vực quy hoạch.

- Đất kênh - suối diện tích 45.907 m², chiếm tỷ lệ 5,07 % diện tích khu vực quy hoạch.

Bảng 1-1: Bảng tổng hợp cơ cấu sử dụng đất theo quy hoạch chi tiết 1/500

Stt	Loại đất	Diện Tích (m ²)	Tỉ lệ %	Dân số
1	Đất ở	365.779	40,42	6.511
1.1	Đất ở liên kế (không bố trí tái định cư)	174.286	19,26	1.589



Stt	Loại đất	Diện Tích (m ²)	Tỉ lệ %	Dân số
1.2	Đất ở liên kế (bố trí tái định cư)	170.008	18,79	1.398
1.3	Đất ở nhà ở xã hội (chung cư cao tầng)	21.485	2,37	3.524
2	Đất công trình dịch vụ - công cộng	38.150	4,22	
2.1	Đất giáo dục và đào tạo	22.615	2,50	
2.2	Đất trạm Y tế	522	0,06	
2.3	Đất văn phòng khu phố	300	0,03	
2.4	Đất trung tâm Văn hóa - Thể thao	5.009	0,55	
2.5	Đất chợ	9.704	1,07	
3	Đất giao thông	286.129	31,62	
3.1	Đất giao thông	269.442	29,78	
3.2	Đất bãi đỗ xe	16.687	1,85	
4	Đất cây xanh	168.914	18,67	
5	Đất kênh suối	45.907	5,07	
	Tổng cộng	904.879	100,00	

- Đất ở liên kế (không bố trí tái định cư): Sau khi đầu tư xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, công ty sẽ tiến hành nghiệm thu đưa vào sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án với đại diện cơ quan quản lý nhà nước và công ty sẽ tiến hành kinh doanh đất nền hoặc xây dựng nhà để bán phục vụ nhu cầu nhà ở cho chuyên gia, các dịch vụ tiện ích phục vụ cho các nhà đầu tư trong khu công nghiệp.

- Đất ở liên kế (bố trí tái định cư): Công ty bố trí tái định cư cho người dân bị ảnh hưởng trong vùng quy hoạch phân khu 7, KKT Nhơn Hội.

- Đất công trình dịch vụ - Công cộng: Công ty bàn giao cho đại diện cơ quan quản lý nhà nước theo đúng hợp đồng dự án đầu tư có sử dụng đất số 11/HĐ.DASĐĐ ngày 30/03/2021.

- Cơ sở hạ tầng khu TĐC-DC (điện, thoát nước mưa, thoát nước thải, giao thông, chiếu sáng, cây xanh, ...): Sau khi nghiệm thu hoàn thành công ty sẽ bàn giao lại cho đại diện cơ quan quản lý nhà nước theo đúng hợp đồng dự án đầu tư có sử dụng đất số 11/HĐ.DASĐĐ ngày 30/03/2021.

- Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tập trung: Sau khi đầu tư hoàn thiện, công ty sẽ bàn giao lại cho đại diện cơ quan quản lý nhà nước theo đúng hợp đồng dự án đầu tư



có sử dụng đất số 11/HĐ.DASDD ngày 30/03/2021.



Hình 1-1. Quy hoạch phân khu Khu Tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1B

1.3.3. Công nghệ và loại hình sản xuất dự án đầu tư:

Đây là dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Tái định cư - dân cư nên không có công nghệ sản xuất.

Dự án đã được phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo Quyết định số 354/QĐ-BQL ngày 13 tháng 10 năm 2021 (kèm bản sao Quyết định).

2. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và các sản phẩm của dự án đầu tư, cơ sở:

2.1. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng

2.1.1. Nguồn cấp điện:

a) Nhu cầu sử dụng điện:



Phụ tải điện cho Khu Tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1B dự kiến như sau:

Bảng 2-1: Tổng hợp số liệu phụ tải điện

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
A	Dân dụng		
1	Dân số	người	6.511
2	Tiêu chuẩn cấp điện dân dụng	kWh/ng/năm	1.500
3	Thời gian sử dụng công suất cực đại	h/năm	3.000
4	Phụ tải bình quân	W/người	500
5	Điện năng dân dụng	triệu kWh/năm	9,77
6	Công suất điện dân dụng	kW	3.256
B	Dịch vụ và CTCC		
7	Thời gian sử dụng công suất cực đại	h/năm	3.000
8	Điện năng dịch vụ và CTCC (35%)	triệu kWh/năm	3,42
9	Công suất điện dịch vụ và CTCC (35%)	kW	1.140
C	Tổng điện năng yêu cầu có tính đến 10% tổn hao và 5 % dự phòng	triệu kWh/năm	15,17
D	Tổng công suất điện yêu cầu có tính đến 10% tổn hao và 5 % dự phòng	kW	5.055,05

b) Nguồn cấp điện:

Nguồn cấp điện cho toàn bộ khu quy hoạch được lấy từ nguồn điện quốc gia qua tuyến trung thế 22kV từ trạm biến thế 110/22kV – 63MVA trong Khu Công nghiệp - Đô thị Becamex A (Phân khu 7), Khu kinh tế Nhơn Hội.

Từ trạm 110/22kV sẽ có các phát tuyến 22kV cấp điện theo quy hoạch. Dự án đã bố trí 06/16 trạm hạ thế 22/0,4kV. Tất cả đều là trạm treo trên trụ, ngoài trời.

Các tuyến trung thế 22kV đi trên trụ bê tông ly tâm cao 14 m, 16m, khoảng cách trung bình của trụ là 50 mét.

Từ các trạm hạ thế có các phát tuyến 0,4KV đưa điện đến các hộ tiêu thụ, các tuyến này dự kiến dùng cáp vặn xoắn ABC, đi trên trụ bê tông ly tâm cao 8m, 10m trong hành lang 2m sau các dãy nhà hoặc đi chung với tuyến trụ trung thế.

2.1.2. Nguồn cấp nước:

a) Nhu cầu sử dụng nước

Bảng 2-2. Nhu cầu sử dụng nước

TT	Mục đích dùng nước	Tiêu chuẩn	Dân số	Lưu lượng m ³ /ngày
1	Cấp nước sinh hoạt	150	6.511	977 (A)
2	Cấp nước dịch vụ công cộng	10% (A)		98
3	Cấp nước tưới cây	8% (A)		78



TT	Mục đích dùng nước	Tiêu chuẩn	Dân số	Lưu lượng m ³ /ngày
4	Nhu cầu dùng nước có ích (B)			1.153
5	Tồn thất+ dự phòng 15% (B)			173
6	Tổng cộng nhu cầu sử dụng nước (Q = 4 + 5)			1.326

Tổng nhu cầu dùng nước: Q_{tb} ngày = 1.326 m³/ngày đêm.

Q_{max} ngày = K_{ngày} x Q = 1,3 x 1.326 m³ = 1.724 m³/ngày.

Ngoài ra cần dự trữ nước cho chữa cháy:

Lưu lượng nước chữa cháy Q_{cc}: Q_{cc} = 10.8 x q_{cc} x n x k m³/ngày đêm.

Lưu lượng nước chữa cháy được tính toán để chữa cháy trong vòng 3 giờ.

Với số dân 6.511 người chọn: số đám cháy n = 1.

Theo QCVN 06:2020/BXD: lưu lượng cấp nước chữa cháy q = 15 l/s cho một đám cháy.

Chọn K = 1 đối với khu dân cư.

Vậy: Q_{cc} = 10.8 x 15 x 1 x 1 = 162 m³/ ngày.đêm.

Tổng lượng nước cấp một ngày đêm = 1.724 + 162 = 1.075 m³

Tổng nước cấp cho mục đích sinh hoạt và mục đích các dịch vụ công cộng 1.075 m³/ ngày đêm.

b) Nguồn cấp nước

Nguồn nước được lấy trực tiếp từ ống cấp nước DN300 của Công ty CP Cấp thoát nước Bình Định sau đó sử dụng 02 đường ống HDPE DN225 dọc theo tuyến đường N -> đường D --> đường dọc theo phía Nam ranh dự án khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A --> đường D1 tạo thành mạch vòng. Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế chung cho sinh hoạt kết hợp với PCCC. Đường ống cấp nước bao gồm ống HDPE Ø90, HDPE Ø110 và ống HDPE Ø225. Vị trí điểm đầu nối cấp nước tại tọa độ X = 1520121,530; Y = 590513,527 (Hệ tọa độ VN2000) thuộc dự án Khu tái định cư – Dân cư Hiệp Vinh 1A theo Biên bản làm việc về việc thống nhất nội dung đầu nối cấp nước cho Khu công nghiệp – Đô thị Becamex A (Phân khu 7) ngày 18/01/2022.

Dự án Khu Tái định cư – dân cư Hiệp Vinh 1B không khai thác nước ngầm phục vụ cho bất kỳ hoạt động nào của dự án.

2.2. Các sản phẩm của dự án

Xây dựng hoàn thành toàn bộ hạ tầng kỹ thuật của dự án Khu Tái định cư – dân cư có tổng diện tích 904.879 m² nhằm đảm bảo công tác tái định cư và phát triển dân cư theo đúng quy hoạch và tiến độ đăng ký, bao gồm:

2.2.1. San nền:

San nền theo phương pháp đường đồng mức, cao độ san nền không chế thấp nhất là +24,30m, cao nhất là +50,10m, dốc từ Bắc xuống Nam.

Thiết kế tạo dốc san nền nền thấp nhất khoảng 0,5% và hướng dốc ra trục đường giao thông xung quan lô nền từ trong các lô để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thoát



nước tự chảy từ trong các lô ra xung quanh các trục đường và hệ thống mương đất bố trí giữa các giải cây xanh, từ đó nước mưa được thu vào các hố thu của các đường ống đặt dưới đường và dẫn vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Đắp nền bằng đất hoặc vật liệu tương đương, đảm bảo độ chặt $k=0,9$, riêng khu vực trồng cây $k=0,85$.

2.2.2. Hệ thống giao thông:

Hệ thống giao thông được thiết kế theo dạng ô cờ, bao gồm các nhóm đường phân khu vực (phân chia giữa các nhóm nhà ở) với lộ giới từ 20m (4 m - 12 m - 4 m) đến 25 m (5,75 m - 13,5 m - 5,75 m) và đường nội bộ trong mỗi nhóm nhà ở với lộ giới 16 m (4 m - 8 m - 4 m).

Mạng lưới giao thông trong nội bộ Khu tái định cư – dân cư Hiệp Vinh 1B được bố trí theo dạng lưới, trong đó tuyến đường trục chính N nối trực tiếp từ khu dân cư với các khu lân cận. Các trục đường kết cấu bê tông nhựa rộng từ 4 mét trở lên, đảm bảo cho xe chữa cháy hoạt động tốt.

2.2.3. Hệ thống thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước mưa gồm thoát nước dọc được bố trí dưới vỉa hè đi bộ và thoát nước ngang đường. Nước mưa được thu gom vào hệ thống cống thoát nước mưa, sau đó thoát ra các suối theo hệ thống thoát nước mưa của khu vực. Hệ thống thoát nước mưa là các tuyến cống có khẩu độ từ Ø600 - Ø1800, kết cấu BTCT.

Gõi cống đoạn dưới vỉa hè: Kết cấu BTCT đá 1x2 M200 đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm, đắp móng cống bằng cát $k=95$ đến $\frac{1}{2}$ cống, còn lại đắp đất $k=95$ đến đáy kết cấu vỉa hè.

Gõi cống đoạn băng đường: Kết cấu BTCT đá 1x2 M200 đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm, đắp móng cống bằng cát $k=95$ đến $\frac{1}{2}$ cống, còn lại đắp đất theo kết cấu áo đường.

Hố thu kết cấu BTCT đá 1x2 M200, phần bưng có kích thước thay đổi tùy theo chiều khẩu độ cống, phần cổ giếng có chiều cao thay đổi theo chiều sâu chôn ống và bề rộng cổ định để đặt nắp đan. Đối với các giếng thăm và thu hệ thống thoát nước mặt, đáy giếng sâu hơn đáy cống khoảng 30cm để lắng bùn.

Nắp đan, đà hãm được làm bằng BTCT đá 1x2 M250, lưới chắn rác bằng thép hình mạ kẽm nhúng nóng.

2.2.4. Hệ thống cấp nước:

Nguồn nước được lấy từ Công ty CP Cấp thoát nước Bình Định sau đó sử dụng 02 đường ống HDPE DN225 dọc theo tuyến đường N --> đường D --> đường dọc theo phía nam ranh dự án khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A --> đường D1 tạo thành mạch vòng. Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế chung cho sinh hoạt kết hợp với PCCC. Đường ống cấp nước bao gồm ống HDPE Ø90, HDPE Ø110 và ống HDPE Ø225.

Hệ thống cấp nước PCCC: Các trụ cứu hỏa được bố trí tại các ngã ba, ngã tư



đường và dọc tuyến ống, khoảng cách giữa các trụ cứu hỏa tối đa 150m. Tổng cộng 62 trụ cứu hỏa.

2.2.5. Hệ thống cấp điện – chiếu sáng:

Sử dụng đường dây trung thế 3 pha với điện áp 22kV, đường dây hạ thế với cấp điện áp 0,4kV, trạm biến áp với cấp điện áp 22/0,4kV.

Đường dây trung thế 3 pha 3 dây, tiết diện dây nhôm lõi thép bọc cách điện 24kV ACX-70mm² và ACX-240mm² cho dây pha của tuyến đường dây toàn dự án.

Đường hạ thế sử dụng cáp vặn xoắn ABC tiết diện ABC4x95mm² đối với các tuyến trục chính, tiết diện ABC4x70mm² đối với nhánh rẽ.

Hệ thống điện chạy nổi trên các trụ BTLT.

Bố trí các cột đèn có độ cao treo đèn trung bình là 11m dọc theo vỉa hè với khoảng cách trung bình từ 30m đến 60m tùy theo độ rộng mặt đường. Cột đèn cao 2m, vươn 2m hướng vuông góc với tim đường. Mỗi cột được lắp 1-3 bộ đèn đường chiếu sáng loại LED 120W với 5 cấp công suất.

Cáp nguồn (1x4C-CU/XLPE/DSTA/PVC) được kéo ngầm dọc theo vỉa hè trong ống nhựa HDPE gân xoắn. Tại các vị trí băng đường sử dụng biện pháp khoan băng đường và dùng ống uPVC cứng chịu lực.

Phương án đi cáp nguồn: Cáp nguồn được kéo ngầm dọc theo vỉa hè trong ống nhựa HDPE gân xoắn. Tại các vị trí băng đường sử dụng biện pháp khoan băng đường và dùng ống uPVC cứng chịu lực.

Phương án cung cấp nguồn điện, điều khiển đóng mở đèn: Nguồn điện cung cấp cho lưới chiếu sáng công cộng được lấy từ các tuyến hạ thế hiện hữu cấp nguồn khu dân cư; Công tác cài đặt thời gian đóng mở đèn của từng cung đường được xác định bởi đơn vị quản lý sử dụng dựa trên thực tế vận hành của cung đường đó.

2.2.6. Hệ thống thông tin - liên lạc:

Đầu tư xây dựng mới một hệ thống viễn thông hoàn chỉnh, có khả năng kết nối đồng bộ với mạng viễn thông quốc gia. Các tuyến cống bể và cáp đồng (trong tương lai có thể thay thế bằng cáp quang) đến tận công trình của người sử dụng.

2.2.7. Cây xanh, mặt nước:

Đất cây xanh - công viên diện tích 168.914 m², chiếm tỷ lệ 18,67% diện tích dự án (bao gồm: Cây xanh công viên tập trung, công viên dọc kênh, hồ nước, cây xanh phân tán, cây xanh đường phố); Đất cây xanh sử dụng công cộng trong đơn vị ở tối thiểu đạt 2 m²/người, mỗi đơn vị ở phải có tối thiểu một vườn hoa, tối thiểu là 5.000m². Trong các nhóm nhà ở phải bố trí vườn hoa, sân chơi với bán kính phục vụ không lớn hơn 300 m; Đất cây xanh công cộng trong đơn vị ở, nhóm nhà ở phải được dành tối thiểu 25% để quy hoạch bố trí sân chơi, không gian hoạt động thể thao, giải trí ngoài trời.

Giữ lại toàn bộ suối nhỏ, hồ nước hiện trạng trong khu vực dự án, kết hợp cải tạo vừa tạo thành các điểm nhấn cảnh quan của dự án (tổng diện tích các kênh suối



trong dự án khoảng 45.907m³), vừa đảm bảo lưu vực tiếp nhận và thoát nước mưa của dự án trong quá trình xây dựng và hoạt động của dự án sau này trước khi chảy vào sông Hà Thanh.

2.2.8. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt được thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa và theo nguyên tắc tự chảy. Công thoát nước thải tại các khu nhà, các công trình thu gom đưa về tuyến chính D315, D400 dẫn về trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung (XLNT) đặt trong khu đất hạ tầng kỹ thuật của KCN Becamex Bình Định để xử lý.

Không bố trí trạm tập kết chất thải rắn (CTR) sinh hoạt, theo đó CTR sinh hoạt được các hộ tự thu gom, phân loại, bỏ vào các thùng chứa rác chuyên dụng đặt dọc các tuyến đường nội bộ để đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của dự án đầu tư, cơ sở:

3.1. Loại và khối lượng nước thải phát sinh:

Dự án chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt. Hiện nay, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 03 m³/ ngày đêm. Tổng nước thải phát sinh từ các hộ dân dự kiến khoảng 1.075 m³/ ngày đêm (nước thải được tính bằng 100% nước cấp nước sinh hoạt và cấp nước dịch vụ công cộng); Có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ cao và vi sinh cao, thành phần chủ yếu gồm: TSS, BOD5, Amoni, Coliforms, ...

Quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn tại từng hộ, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom chung, dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex Bình Định để xử lý trong giai đoạn đầu (tổng lưu lượng nước thải của 4 khu TĐC-DC <500m³/ngày.đêm), không xả trực tiếp ra môi trường nên không thuộc đối tượng áp dụng trực tiếp QCVN 14:2025/BTNMT về nước thải sinh hoạt, nước thải đô thị và khu dân cư tập trung. Nước thải sau xử lý tại Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex Bình Định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận (Suối Đất Sét/ sông Hà Thanh) phải đảm bảo đạt quy chuẩn theo nội dung Giấy phép môi trường số 107/GPMT-BTNMT ngày 02/4/2024 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp (áp dụng QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

3.2. Nguồn và lưu lượng khí thải phát sinh:

Giai đoạn vận hành dự án phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn từ các phương tiện giao thông, khí thải từ quá trình nấu ăn từ các hộ dân; mùi hôi từ vị trí tập trung chất thải rắn, bùn nạo vét định kỳ từ hệ thống thoát nước mưa, nước thải, ...

Thành phần, tính chất của bụi, khí thải: Là chất thải ở trạng thái rắn, khí, thành phần chủ yếu gồm: Bụi, CO, SO₂, NO₂, CH₄, H₂S, ...

Quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án chủ yếu là nguồn thải phân tán (giao thông nội bộ, sinh hoạt của hộ dân), không phát sinh từ ống khói của quá trình sản xuất công nghiệp nên không có quy chuẩn khí



thải công nghiệp cụ thể áp dụng trực tiếp. Chất lượng môi trường không khí xung quanh khu vực dự án được đối chiếu, đánh giá theo QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; tiếng ồn phát sinh được đối chiếu theo QCVN 26:2025/BNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và độ rung phát sinh được đối chiếu theo QCVN 27:2025/BNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.3. Loại và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Dự kiến chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình, lượng phát sinh khoảng 3.256kg/ngày. Chất thải rắn sinh hoạt có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy sinh học gây ruồi, muỗi, mùi hôi, thành phần chủ yếu gồm: Thức ăn thừa, các loại rau củ quả; vỏ đồ hộp, chai lọ thải,...

Chất thải rắn phát sinh trên các tuyến đường nội bộ, lượng phát sinh dự kiến khoảng 326kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Cành cây, lá cây, bao bì nilon,...

3.4. Loại và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Dự án không có phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường từ hoạt động sản xuất. Trong quá trình vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phát sinh bùn nạo vét định kỳ từ hệ thống thoát nước mưa, nước thải. Tuy nhiên, do hệ thống thoát nước được xây dựng kín và được cải tạo bê tông hoá do đó lượng bùn phát sinh rất ít.

3.5. Loại và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh:

Dự kiến chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động của các hộ gia đình, thành phần gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải, bình xịt phòng các loại, bình ắc quy, pin thải,..., lượng phát sinh khoảng 713 kg/năm.

Chất thải nguy hại phát sinh từ trạm y tế, thành phần gồm: Kim tiêm, chai lọ chứa thuốc, các lọ thuốc hết hạn sử dụng,..., lượng phát sinh dự kiến khoảng 90 kg/năm.

Tổng khối lượng chất thải nguy hại dự kiến phát sinh tại dự án khoảng 856,5 kg/năm.

4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của dự án đầu tư, cơ sở:

4.1. Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải phát sinh:

4.1.1. Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh

Hệ thống thoát nước thải được thiết kế riêng và chia làm 2 phần:

a) Hệ thống xử lý riêng trong từng nhà:

Sử dụng công trình bể tự hoại loại 3 ngăn:

- Bể tự hoại là công trình đồng thời làm 2 chức năng: lắng và phân hủy cặn lắng. Cặn lắng giữ lại trong bể từ 6 - 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí các chất hữu cơ bị phân hủy. Các số liệu thực tế cho thấy mỗi người cần 0,2 - 0,3 m³ bể tự hoại.

- Nguyên tắc hoạt động của bể này là lắng cặn và phân hủy kỵ khí cặn lắng. Hiệu quả xử lý theo chất lơ lửng đạt 65 - 70% và theo BOD₅ là 60 - 65 %. Bể này có hai chức năng chính là lắng và phân hủy cặn lắng với hiệu suất xử lý 40 - 50%. Thời gian lưu nước trong bể khoảng 20 ngày thì 95% chất rắn lơ lửng sẽ lắng xuống đáy bể. Cặn

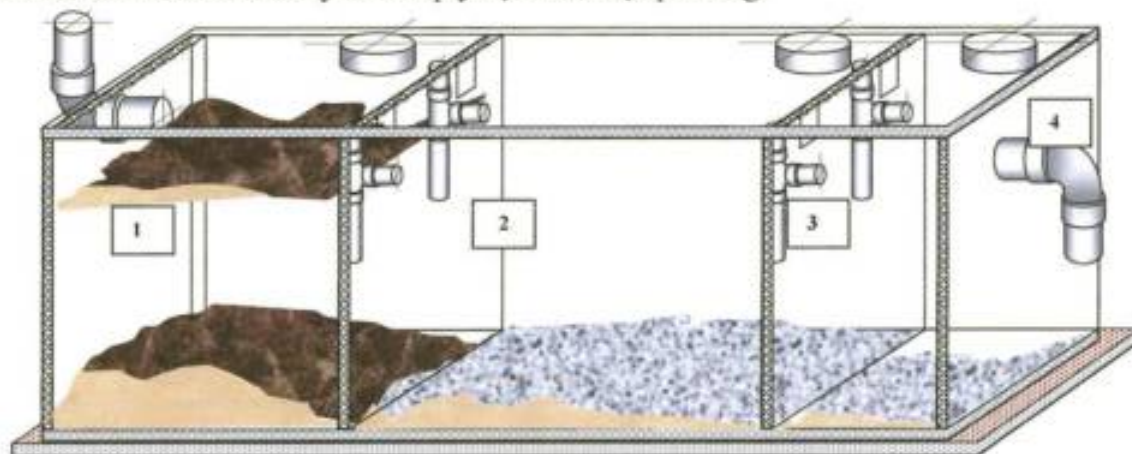


được giữ lại trong đáy bể từ 6 – 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy một phần, một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan.

- Nước thải ở trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới dẫn vào hệ thống thoát nước thải của khu tái định cư. Mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy, đảm bảo chống thấm đất theo quy định.

- Ưu điểm chủ yếu của bể tự hoại là có cấu tạo đơn giản, quản lý dễ dàng và hiệu suất lắng tương đối cao. Sau khi qua bể tự hoại nồng độ các chất hữu cơ còn lại trong nước thải khoảng 30 – 40%, riêng các chất lơ lửng hầu như được giữ lại hoàn toàn.

- Bùn trong bể tự hoại do mỗi hộ dân cư tự hợp đồng với các bộ phận chuyên trách vào hút hầm cầu đưa xử lý ở nơi quy định của địa phương.



Hình 4-1: Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

Ghi chú:

1. Ngăn lắng và lên men kỵ khí 2. Ngăn lắng tiếp theo
3. Ngăn lọc 4. Ống xả nước thải ra

b) Hệ thống thu gom bên ngoài nhà

Hệ thống thu gom bên ngoài nhà là các tuyến cống D315 dẫn vào mạng lưới thoát nước chính là các tuyến cống D315, D400, sau đó thu gom tập trung về 02 hố ga phía Nam của dự án và được dẫn về Khu xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex Bình Định qua các hố ga dọc theo tuyến ống thu gom nước thải và trạm bơm trung chuyển nước thải với tuyến ống có áp D200.

Đến nay, dân cư vào sinh sống chưa nhiều, lượng nước thải phát sinh ít nên toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ từng lô đất ở sẽ được thu gom theo mạng lưới thoát nước thải của dự án và được dẫn về hố ga tập trung nước thải nằm trong khu đất kỹ thuật của KCN Becamex Bình Định, sau đó được bơm vào HTXLNT tập trung của KCN Becamex Bình Định để xử lý (HTXLNT của KCN giai đoạn 1 có công suất 4.000 m³/ngày.đêm vì thế đảm bảo việc xử lý), phương án này đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt trong nội dung giấy phép môi trường số 107/GPMT-BTNMT ngày 02/04/2024 cho dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Becamex



Bình Định, giai đoạn 1 diện tích 187,65 ha. Khi tổng lưu lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án này hoặc tổng lượng nước thải phát sinh từ dự án này và 03 khu dân cư còn lại (Hiệp Vinh 1A, Hiệp Vinh 2, Tân Vinh) đạt tổng mức phát thải 500 m³/ngày.đêm thì sẽ tiến hành xây dựng trạm XLNT sinh hoạt tập trung riêng cho 04 Khu TĐC-DC.

Mạng lưới thoát nước thải của khu Tái định cư – dân cư Hiệp Vinh 1B được xây dựng tách biệt với mạng lưới thoát nước thải của KCN Becamex Bình Định.

Với phương án thu gom nêu trên, toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại tại từng hộ trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom chung, sau đó được xử lý tập trung tại Trạm xử lý nước thải của KCN Becamex Bình Định, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt cột A QCVN 40:2011/BTNMT (theo quy định tại Giấy phép môi trường số 107/GPMT-BTNMT ngày 02/4/2024) trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Bảng 4-1. Khối lượng xây dựng hệ thống thu gom nước thải

STT	Loại ống	Đơn vị tính	Khối lượng toàn dự án	Khối lượng đã hoàn thành	Tỷ lệ hoàn thành so với toàn dự án
1	D315	m	17.051	17.051	100%
2	D400	m	2.166	2.166	
3	Hố ga	Cái	846	846	
4	Trạm bơm	Cái	02	02	

(Phụ lục bản vẽ mặt bằng tổng thể hướng tuyến thoát nước thải đính kèm)





Hình 4-2. Mặt bằng mạng lưới thu gom thoát nước mưa dự án Hiệp Vinh 1B



4.1.2. Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa cho khu dân cư được thiết kế tách riêng với nước thải sinh hoạt.

- Sử dụng cống BTCT có đường kính D600 đến D1200 nằm dưới vỉa hè dọc theo các tuyến đường để thu gom nước mưa.

- Phân chia lưu vực thoát nước phù hợp với độ dốc và cao độ san nền; nước mưa được thu gom và dẫn thoát nước ra 03 kênh nội khu và gom về kênh thoát nước chính dọc theo ranh phía Tây của Khu Tái định cư – dân cư Hiệp Vinh 1A; Lưu vực 2 phía Tây còn lại thoát về kênh thoát nước của Khu công nghiệp Becamex Bình Định giáp ranh giới phía Tây của Dự án.

- Giữ lại toàn bộ các suối hiện trạng trong khu dự án và thực hiện cải tạo, gia cố tạo thành suối cảnh quan, phục vụ thoát nước vào mùa mưa.

- Đối với những khu vực nhà ở sẽ được bố trí tuyến ống nhựa dẫn xuống hệ thống cống thoát ở dưới mặt đất. Các cống thoát này được bố trí quanh các công trình đảm bảo theo quy hoạch thoát nước được duyệt.

- Ở những khu vực không có mái che, (sân, đường...) nước mưa sẽ được thu gom theo một hệ thống cống rãnh được thoát ra kênh suối bằng 24 cửa xả. Trong đó, bố trí các hố thu có nắp đậy với song chắn rác.

Bảng 4-2. Khối lượng xây dựng hệ thống thu gom nước mưa

STT	Loại ống	Đơn vị tính	Khối lượng toàn dự án	Khối lượng đã hoàn thành	Tỷ lệ hoàn thành so với toàn dự án
1	D600	m	16.082	16.082	100%
2	D800	m	2.558	2.558	
3	D1000	m	779	779	
4	D1200	m	403	403	
5	Cửa xả	Cửa	24	24	





Hình 4-3. Mật bảng mạng lưới thu gom thoát nước mưa của dự án Hiệp Vinh 1B



4.2. Phương án thu gom, quản lý và xử lý khí thải phát sinh

Rải nhựa, lát gạch toàn bộ các tuyến đường nội bộ, vỉa hè khu vực dự án;

Trồng cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích theo quy hoạch được duyệt;

Thường xuyên quét dọn, vệ sinh sạch sẽ các tuyến đường nội bộ không để đất, cát phát sinh bụi khi xe đi qua;

Các loại chất thải phát sinh được thu gom, phân loại và lưu chứa trong các thùng có nắp đậy, vận chuyển xử lý theo quy định, không để tồn lưu nhiều ngày tại khu vực;

Thường xuyên vệ sinh, phun khử khuẩn các thùng chứa rác, khu vực đặt các thùng chứa rác để hạn chế phát sinh mùi hôi; dán các thông báo tuyên truyền, giữ gìn vệ sinh chung để nâng cao ý thức của người dân trong công tác bảo vệ môi trường; ...

Các biện pháp giảm thiểu nêu trên nhằm đảm bảo chất lượng môi trường không khí xung quanh khu vực dự án đạt QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; tiếng ồn phát sinh đạt QCVN 26:2025/BNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và độ rung phát sinh đạt QCVN 27:2025/BNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.3. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

4.3.1. Chất thải rắn từ khu dân cư

Các hộ dân trong khối căn hộ được khuyến khích hình thành thói quen phân loại rác tại nguồn. Mỗi hộ sử dụng 2 thùng chứa rác khác màu, 1 thùng màu xanh đựng chất thải hữu cơ (nhóm 1), 1 thùng màu cam đựng chứa các chất thải rắn còn lại (nhóm 2).

- Chất thải nhóm 1: gồm thực phẩm dư thừa, cặn bã sau quá trình sơ chế thực phẩm (rau, củ, quả), các loại này thường là các chất thải ướt dễ phân hủy.

- Chất thải nhóm 2: gồm các thành phần còn lại ngoài các thành phần thuộc loại 1.

- Thùng nhựa có nắp đậy màu xanh: loại 15L, để chứa rác loại 1. Bên trên nắp thùng và thân thùng có gắn logo chất thải thực phẩm.

- Thùng nhựa có nắp đậy màu cam: loại 15L, để chứa rác loại 2. Bên trên nắp thùng và thân thùng có gắn logo chất thải còn lại.

Phương thức thu gom và xử lý:

- Chất thải rắn được người dân tự phân loại vào các thùng chứa tại mỗi hộ. Công ty bố trí các thùng chứa rác chuyên dụng có nắp đậy loại 240 lít hợp vệ sinh trước mỗi ô đất ở liền kề phố để thu gom toàn bộ lượng CTR phát sinh từ các hộ dân. Lượng CTR này được đơn vị thu gom rác địa phương tới thu gom hàng ngày, người dân sẽ trả tiền thu gom rác thải cho đơn vị thu gom theo hàng tháng.

- Nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường trên toàn dự án sau này đi vào hoạt động, định kỳ đội thu gom, xử lý rác tập kết các thùng chứa tại các vị trí gần hố ga thu gom nước thải của dự án để vệ sinh, rửa sạch sẽ. Nước thải sau khi rửa sẽ chảy về các hố ga này để dẫn về hệ thống xử lý tập trung.

- Trong suốt quá trình hoạt động, đơn vị có chức năng thu gom rác tại địa phương sẽ thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải, vận chuyển xử lý theo quy định, kinh phí do



các hộ tự chi trả.

- Đối với các khu vực cao tầng, phương án thu gom lưu chứa, tập kết rác thải sẽ được thực hiện cụ thể theo phương án nêu trong hồ sơ môi trường của mỗi dự án thành phần và Chủ đầu tư các dự án này chịu trách nhiệm.

- Trong giai đoạn đầu toàn bộ lượng chất thải rắn phát sinh sẽ được đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển về bãi rác Long Mỹ để xử lý. Về sau này, khi khu xử lý chất thải rắn KKT Nhơn Hội đưa vào vận hành thì toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ dự án sẽ được vận chuyển về khu xử lý này để xử lý.

Hiện nay, Công ty đã ký hợp đồng Công ty TNHH Môi trường Bình Bình An thu gom và xử lý theo hợp đồng số 09/12/2024/HDDV/BBĐ-BBA ngày 31/12/2024. Tần suất thu gom: 3 lần/tuần.

4.3.2. Chất thải rắn đường phố

Sử dụng thùng 240 lít để thu gom rác đường phố: Khối lượng chất thải rắn phát sinh từ đường phố, khuôn viên trong giai đoạn hoạt động của Dự án là 352,3 kg/ngày.

Dung tích thùng chứa: 240 lít/thùng = 0,24 m³/thùng;

Khối lượng riêng của chất thải rắn sinh hoạt: 450 kg/m³;

Số lượng thùng 240 lít cần thiết đầu tư là: 326 kg/ngày: $(450 \text{ kg/m}^3 \times 0,24 \text{ m}^3/\text{thùng}) = 3,0$ thùng, chọn 03 thùng.

Các thùng chứa rác này sẽ được đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt của địa phương thực hiện thu gom, vận chuyển về bãi rác Long Mỹ để xử lý.

4.4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Dự án không có phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường từ hoạt động sản xuất.

Bùn được nạo vét định kỳ từ hệ thống thoát nước mưa, nước thải. Đối với bùn nạo vét của hệ thống thoát nước thải, trước khi vận chuyển, xử lý, bùn nạo vét được lấy mẫu, phân tích để xác định thành phần nguy hại theo QCVN 07:2025/BNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại. Trường hợp không vượt ngưỡng nguy hại, bùn thải được thu gom, xử lý như chất thải rắn thông thường; trường hợp vượt ngưỡng, được quản lý theo quy định về chất thải nguy hại.

4.5. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại phát sinh:

Thực hiện tuyên truyền, yêu cầu các hộ dân thu gom, phân loại riêng chất thải nguy hại với chất thải rắn sinh hoạt, sau đó đem xuống bỏ vào các thùng chứa do Công ty trang bị đặt tại các vị trí gần thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt để thu gom tạm thời chất thải nguy hại.

Sử dụng thùng 240 lít chuyên dụng có nắp đậy màu vàng để thu gom chất thải nguy hại. Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại dự án khoảng 2,4kg/ngày tương đương với 803 kg/năm.

Công ty trang bị các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng có nắp đậy, loại



240 lít đặt tại các vị trí gần thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt trên các tuyến đường nội bộ để thu gom lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại trong thời gian chờ đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý. Công ty thực hiện dán nhãn cảnh báo, mã số, ... trên các thùng chứa CTNH theo quy định.

Công ty cam kết sẽ xây dựng kho chứa chất thải nguy hại để lưu chứa chất thải nguy hại chung cho 04 khu TĐC – DC, diện tích khoảng 10m² đặt trong khu XLNT tập trung của khu TĐC-DC thuộc đất kỹ thuật của KCN Becamex Bình Định để lưu chứa tạm thời CTNH phát sinh từ 04 Khu TĐC-DC. Trong kho sẽ bố trí các thùng chứa vô cứng có dán nhãn cảnh báo, mã số,... để thực hiện phân loại theo quy định (cụ thể sẽ được thể hiện trong hồ sơ môi trường của Dự án Nhà máy XLNT tập trung của 04 khu TĐC-DC).

Hiện nay, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Thương mại và Môi trường Hậu Sanh (đơn vị có đầy đủ chức năng về thu gom, xử lý CTNH theo quy định pháp luật) để thu gom, xử lý chất thải phát sinh.

Tần suất thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH: Tối thiểu mỗi năm 01 lần hoặc khi kho lưu chứa CTNH gần đầy, Công ty sẽ liên hệ với đơn vị có chức năng đến thu gom.

5. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường:

- Công ty Cổ phần Becamex Bình Định cam kết tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường khác có liên quan.

- Công ty Cổ phần Becamex Bình Định cam kết thực hiện các biện pháp về an toàn giao thông vận tải, thực hiện các giải pháp, biện pháp giảm thiểu trong các giai đoạn của dự án theo đúng những nội dung đã nêu trong báo cáo ĐTM.

- Bố trí diện tích cây xanh đảm bảo tỷ lệ theo đúng quy định.

- Quản lý đầu nổi nước mưa của các hộ dân, đơn vị sinh sống và hoạt động trong khu TĐC - DC vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa theo quy định.

- Thu gom, đầu nổi triệt để nước thải của các hộ dân, đơn vị sinh sống và hoạt động trong khu TĐC - DC vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung theo quy định.

- Nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thu gom, thoát nước mưa và hệ thống thu gom, thoát nước thải trong thời gian chờ nghiệm thu bàn giao cơ sở hạ tầng cho cơ quan quản lý nhà nước.

- Cam kết việc thu gom, quản lý và lưu trữ chất thải phát sinh tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Khu vực chứa CTNH đảm bảo tuân thủ đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường



Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường khác có liên quan.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai, UBND xã Canh Vinh và các cơ quan chức năng khác trong quá trình thực hiện và bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Chúng tôi gửi kèm văn bản này 01 (một) Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu Tái định cư – dân cư Hiệp Vinh 1B.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị UBND xã Canh Vinh tiếp nhận đăng ký môi trường của dự án Khu Tái định cư – dân cư Hiệp Vinh 1B./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BQL KKT tỉnh Gia Lai (để báo cáo);
- Lưu: VT



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN LĂNG



PHỤ LỤC PHÁP LÝ

1. Quyết định số 3687/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (nay là Gia Lai) về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư – dân cư Hiệp Vinh 1B thuộc Khu công nghiệp – Đô thị Becamex A (phân khu 7), Khu kinh tế Nhơn Hội;
2. Quyết định số 354/QĐ-BQL ngày 13/10/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu tái định cư – dân cư Hiệp Vinh 1B tại Khu công nghiệp – Đô thị Becamex A (Phân khu 7), KKT Nhơn Hội;
3. Hợp đồng dự án đầu tư có sử dụng đất số 11/HĐ.DASDĐ ngày 30/03/2021;
4. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Khu tái định cư – dân cư Hiệp Vinh 1B;
5. Hợp đồng số 02/12/2021/HĐDV/BBĐ-HS ngày 05/12/2021 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại;
6. Phụ lục số 01 của Hợp đồng số 02/12/2021/HĐDV/BBĐ-HS ký ngày 04/12/2022;
7. Phụ lục số 02 của Hợp đồng số 02/12/2021/HĐDV/BBĐ-HS ký ngày 30/06/2023;
8. Hợp đồng số 09/12/2024/HĐDV/BBĐ-HS ngày 31/12/2024 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt tại Khu công nghiệp – Đô thị Becamex A Phân khu 7 Khu kinh tế Nhơn Hội, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định;
9. Giấy phép môi trường số 107/GPMT-BTNMT ngày 02/04/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép cho các công trình bảo vệ môi trường của Công ty Cổ phần Becamex Bình Định;
10. Thông báo số 107/TB-BQL ngày 22/04/2026 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai về kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.



PHỤ LỤC BẢN VẼ

1. Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất Hiệp Vinh 1B;
2. Bản vẽ mặt bằng tổng thể hướng tuyến thoát nước thải về nhà máy xử lý nước thải tập trung;
3. Bản vẽ mặt bằng tổng thể lưu vực thoát nước mưa;
4. Bản vẽ mặt bằng tổng thể thoát nước thải.



